

getis



SUITE S1000

Đẳng cấp từ Châu Âu

BESPOKE

BIỂU TƯỢNG. ĐẲNG CẤP

“Nếu đổ thật nhiều tiền mua sắm những món đồ đắt tiền, bạn được coi là một người chịu chi, hợp thời. Nhưng để được gọi là có gu, đòi hỏi nhiều hơn từ những kiến thức, trải nghiệm, kinh nghiệm của chính bạn.”



Trong giới thời trang, bộ suit là “tạo vật” đặc trưng cho phái mạnh, cho những gì sang trọng và uy quyền nhất một người đàn ông có thể trưng diện với đỉnh cao là Bespoke Suit.

Lịch sử của Bespoke Suit gắn liền với con phố thời trang Saville Row - một con phố may mặc cho nhà giàu nổi tiếng bậc nhất nước Anh. Khi đặt may, mỗi khách hàng sẽ được một người thợ bậc thầy thực hiện không dưới 35 phép đo và đưa ra hơn 400.000 thay đổi trên trang

phục để người mặc luôn đẹp trong mọi hoàn cảnh. Kỳ công như vậy, nên Bespoke Suit là độc nhất trên thế giới và khiến chủ nhân tự hào. Tinh thần bespoke nhanh chóng được giới thời thượng khao khát. Không chỉ là những đường may trên áo, bespoke còn là mặt số tuyệt tác của đồng hồ, những món đồ trang sức, những chiếc xế hộp hào nhoáng... để rồi trở thành một văn hoá độc tôn, một tuyên ngôn không lời cho đẳng cấp: “Bespoke” chính là “spoken for”.

BESPOKE TRONG CHIẾC THANG MÁY GIA ĐÌNH

Mỗi chiếc thang bespoke là duy nhất, được “đo ni đóng giày” với những vật liệu cao cấp theo yêu cầu riêng của những vị khách mộ điệu, cho dù đó là một ý tưởng có vẻ “điên rồ”.

Thể hiện gu thẩm mỹ rất riêng của gia chủ. Một tài sản biểu tượng cho đẳng cấp của gia chủ. Chính là Bespoke Homelift.

BESPOKE HOMELIFT

FOR YOUR HOME



The background image shows a richly decorated interior. On the left, a white louvered door is partially open. The walls and ceiling are covered in intricate, dark-colored carvings and moldings. In the center-right, there is a large, dark wooden double door with ornate panels and brass handles. The floor in the foreground is made of light-colored wood with a herringbone pattern. A solid blue rectangular box is overlaid on the middle of the image, containing white text.

SUITE S1000

Một chiếc thang máy được “đo ni đóng giày” cho ngôi nhà, là tài sản biểu tượng cho đẳng cấp của gia chủ.



Nhập khẩu đồng bộ

Mọi sản phẩm Getis được nhập khẩu đồng bộ tại một nhà máy duy nhất. Điều này đảm bảo sự chính xác trong lắp ráp, tính nhất quán về tiêu chuẩn kỹ thuật và độ hoàn thiện tinh xảo.

Công nghệ thủy lực “đo ni đóng giày”

Công nghệ thủy lực “đo ni đóng giày” cho phép tùy chỉnh kích thước diện tích thực công trình. Hố pit chỉ từ 120 mm, không cần thay đổi kết cấu tổng thể nhà. Di chuyển êm ái, tiếng ồn chỉ 40 dB.

Full kính. Tầm nhìn 360

Tầm nhìn 360. Hiệu ứng mở rộng không gian, nâng tầm trải nghiệm di chuyển.

Điều kiện xây dựng tối thiểu

Không phòng máy. Diện tích cabin được tối ưu. Pit từ 120 mm, OH từ 2350 mm.





100+ tùy chọn trang trí

Tự do thiết kế nên chiếc thang máy theo thẩm mỹ của Quý khách với hơn 100 tùy chọn trang trí.



Một không gian Châu Âu thanh nhã, tông beige và các đường nét tròn. Vách cabin trắng, tinh gọn các chi tiết tạo nên một tổng thể trang nhã, cuốn hút.

- Vách: PPS10 White
- Trần: Trần trắng và đèn LED Panel
- Bảng hiển thị LCD



Sàn gỗ, giấy dán tường họa tiết cổ điển, một không gian đậm chất Châu Âu thập niên 80. Khung thang đen đại diện cho sự uy quyền, vách cabin ốp gỗ đại diện cho sự phá cách đầy nam tính.

- Vách: 1612 Teak sumatra root finish
- Trần: Trần trắng và đèn LED 4 Spots



Một không gian Châu Âu Phục Hưng nổi bật với chiếc thang máy màu đen hiện đại. Vách Glossy Black tông màu lạnh giống như một thanh gương sáng chói, mạnh mẽ và nam tính, uy quyền.

- Vách: N3PP Glossy black
- Trần: Trần trắng và đèn LED 4 Spots
- Bảng hiển thị LCD

Khung thang

Khung kim loại với vách kính đem lại thẩm mỹ sang trọng, bắt mắt. Đồng thời bộ khung kim loại vách kính có kết cấu thông minh giúp nó mỏng gọn hơn 3 - 5 lần so với độ dày của vách tường xây truyền thống.



Cửa bản lề 1 cánh



ND4
Sơn màu RAL, full kính
và tay nắm âm.



ND-ALU
Cửa nhôm anode nguyên bản, full
kính và tay nắm âm sơn RAL 7024



PAINTED ND-ALU
Cửa nhôm anode sơn tĩnh điện,
full kính và tay nắm âm



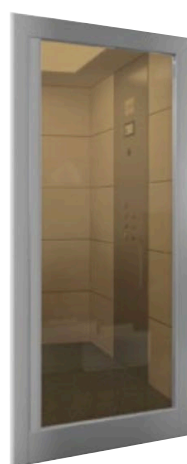
Clear



Smoked gray



Milk white



Smoked bronze



Mirror



"C" Shaped
aluminium handle



Flush handle

Cabin

Skinplate Walls (Tiêu chuẩn)

Thiết kế tiêu chuẩn với 10 mẫu skinplate, 5 mẫu sàn PVC và trần 2 đèn LED.



- Vách: N3PP Glossy black
- Trần trắng, đèn LED 4 Spots (tùy chọn)
- Sàn: 13022 Beton concrete
- Bảng hiển thị: LCD Display (tùy chọn)



- Vách: A4 Milk white
- Trần trắng, đèn LED 2 Spots
- Sàn: 13082 Gravel concrete



- Vách: PPS10 Marble
- Trần trắng, đèn LED Panel (tùy chọn)
- Sàn: 42292 Charcoal slate

Cabin

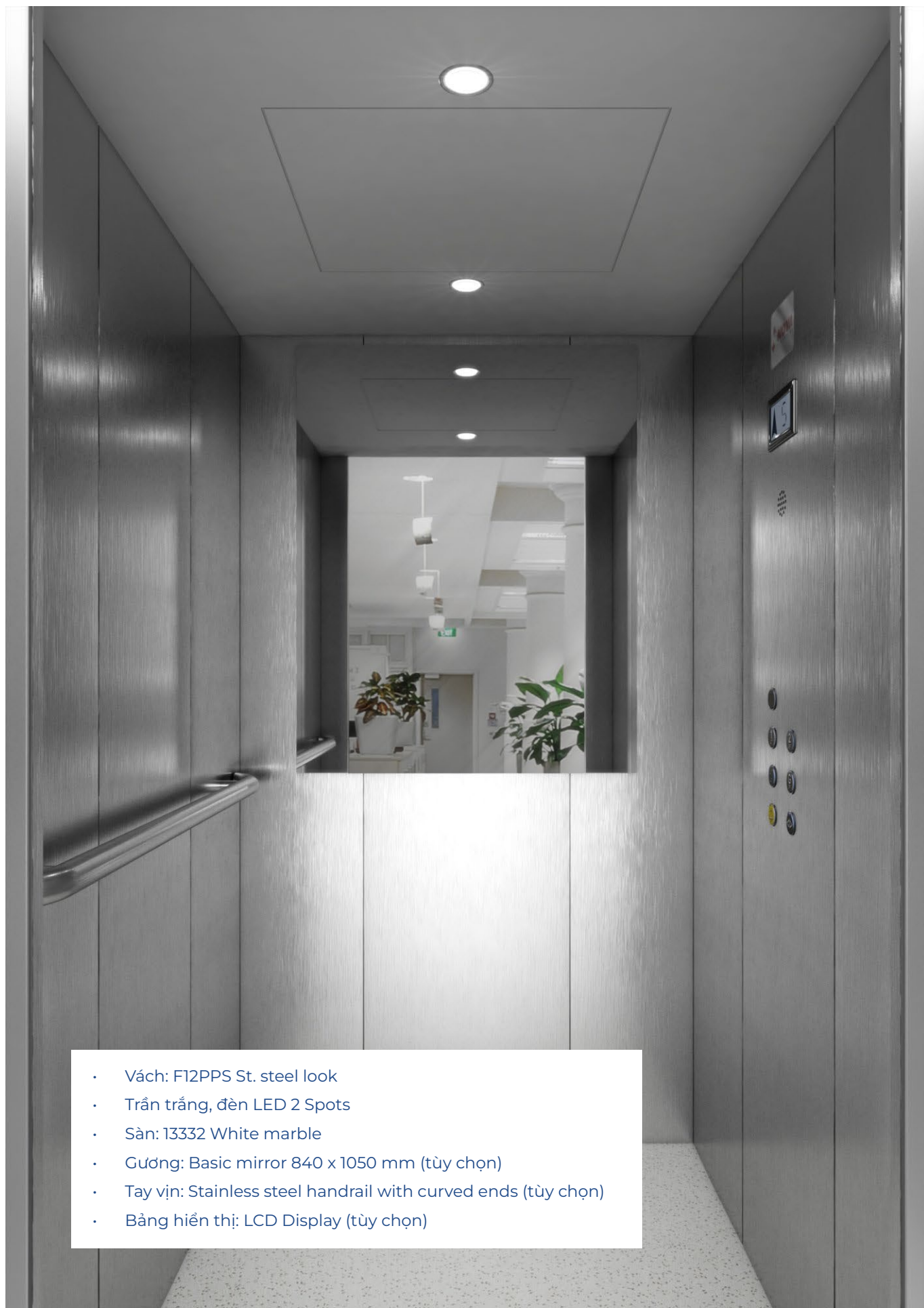
Skinplate Walls (Tiêu chuẩn)



- Vách: A4 Milk white
- Trần trắng, đèn LED 2 Spots
- Sàn: 13002 Silver concrete



- Vách: N1 Light grey
- Trần trắng, đèn LED Panel (tùy chọn)
- Sàn: 13022 Beton concrete
- Bảng hiển thị: LCD Display (tùy chọn)



- Vách: F12PPS St. steel look
- Trần trắng, đèn LED 2 Spots
- Sàn: 13332 White marble
- Kính: Basic mirror 840 x 1050 mm (tùy chọn)
- Tay vịn: Stainless steel handrail with curved ends (tùy chọn)
- Bảng hiển thị: LCD Display (tùy chọn)

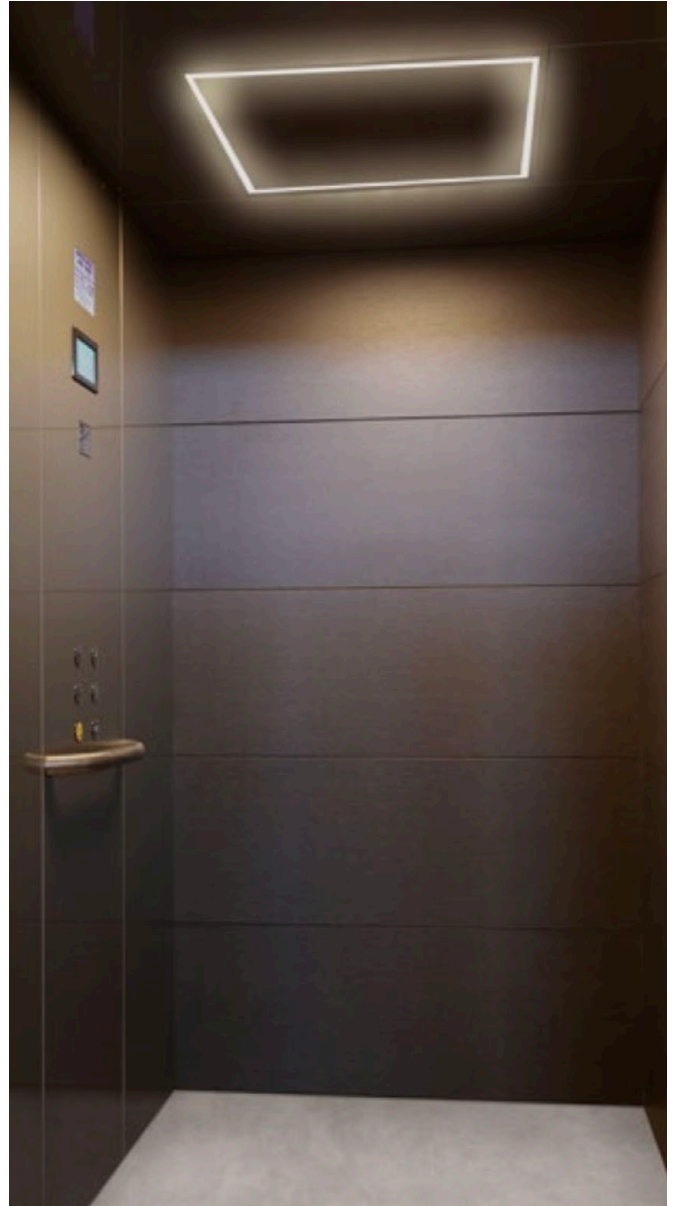
Cabin

Special Walls (Tuỳ chọn)

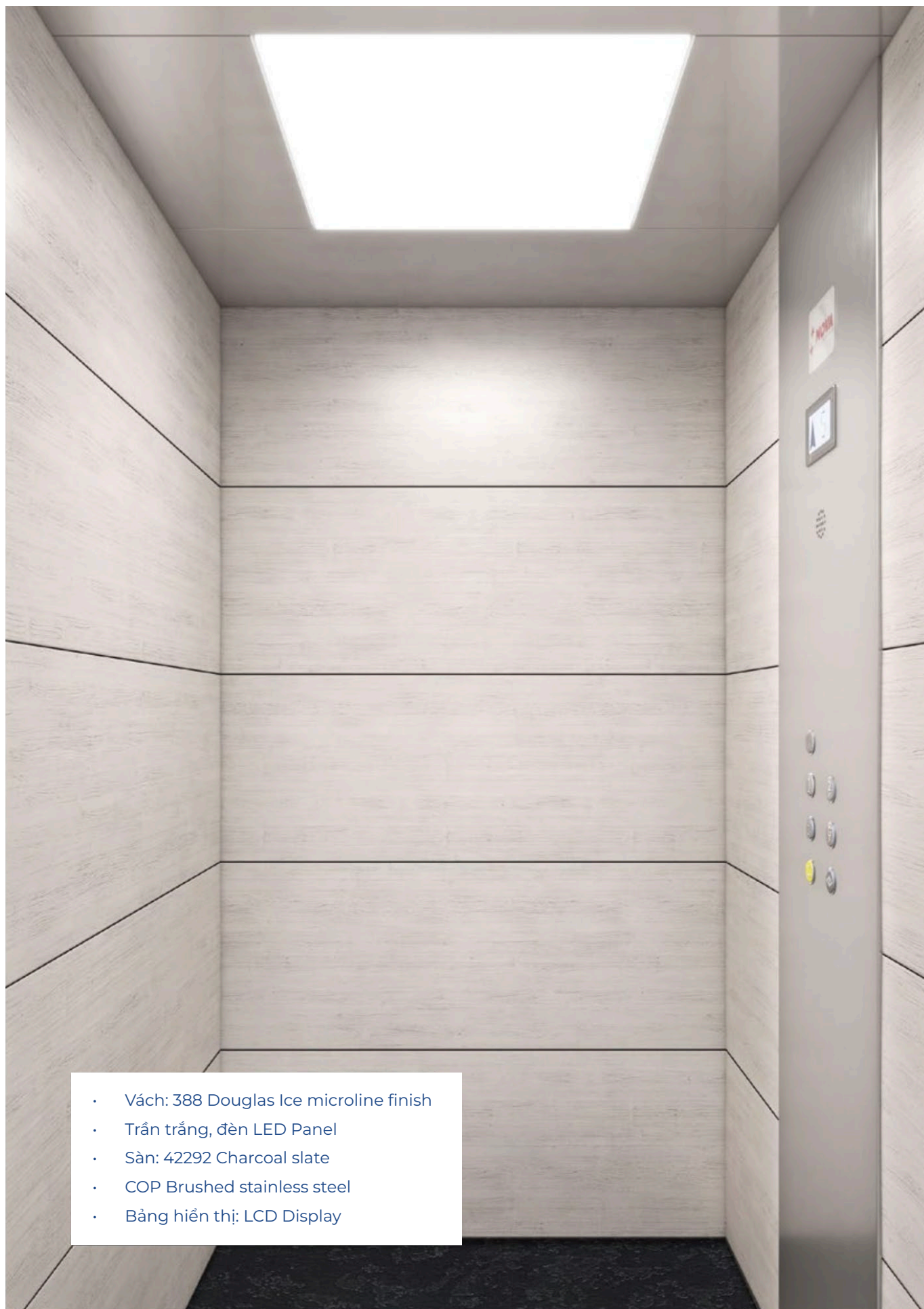
Gồm 10 mẫu plastic laminate, 5 mẫu stainless steel, 10 mẫu RAL tiêu chuẩn và các mẫu tùy chọn. Đèn LED và trần treo cho hiệu ứng ánh sáng ấn tượng.



- Vách: 381 Douglas vanilla microline finish
- Trần trắng, đèn LED 4 Spots
- Sàn: 13082 Gravel concrete
- COP Polished stainless steel
- Bảng hiển thị: LCD Display



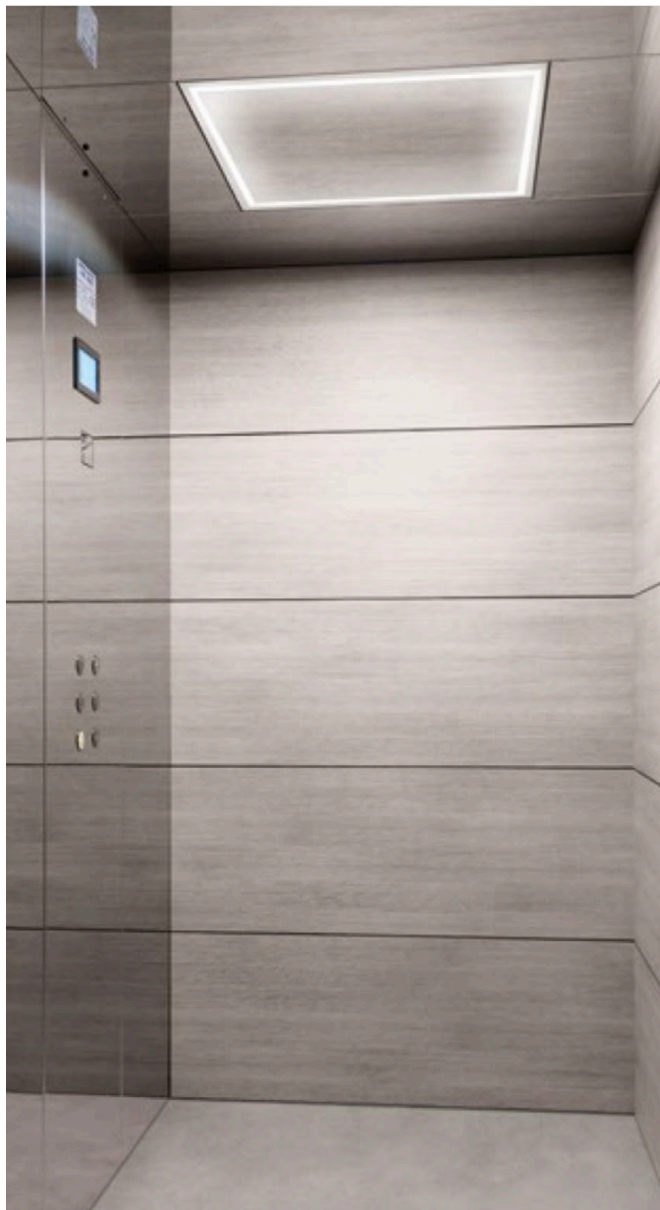
- Vách: 609 Amazzonia sucupira - Holz fin.
- Vách đặt COP và trần: F12PPS St. steel look
- Đèn LED Quadro
- Sàn: 13002 Silver concrete
- Tay vịn: Stainless steel handrail with curved ends on COP, length: 480 mm
- Bảng hiển thị: LCD Display



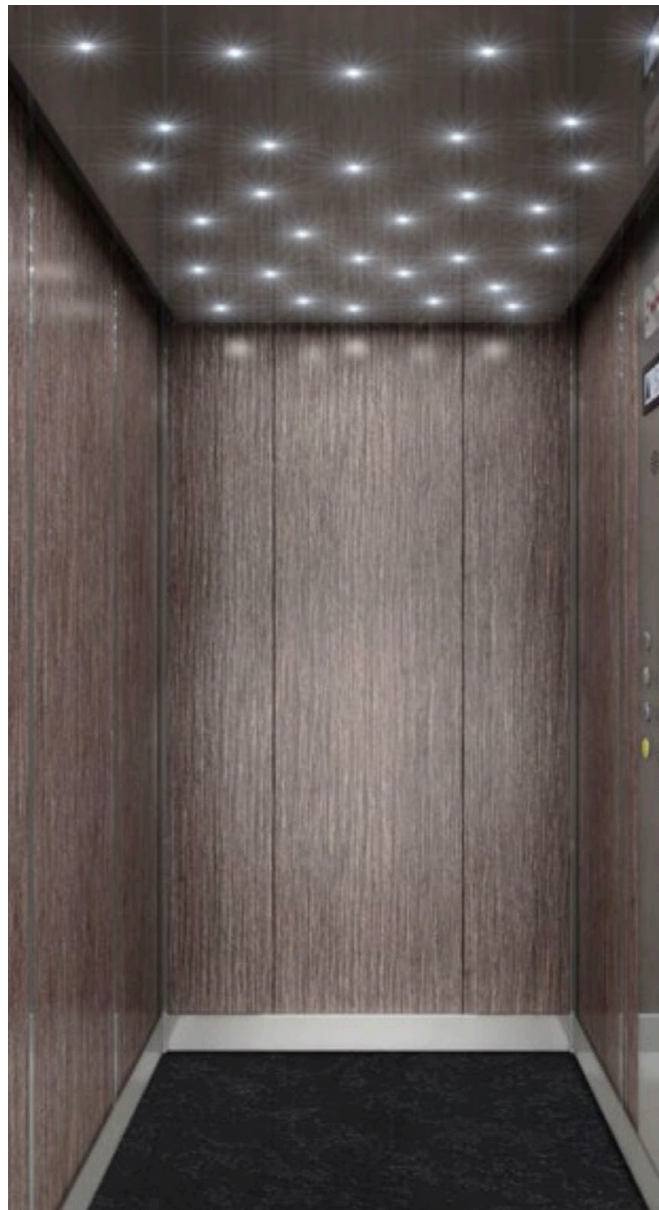
- Vách: 388 Douglas Ice microline finish
- Trần trắng, đèn LED Panel
- Sàn: 42292 Charcoal slate
- COP Brushed stainless steel
- Bảng hiển thị: LCD Display

Cabin

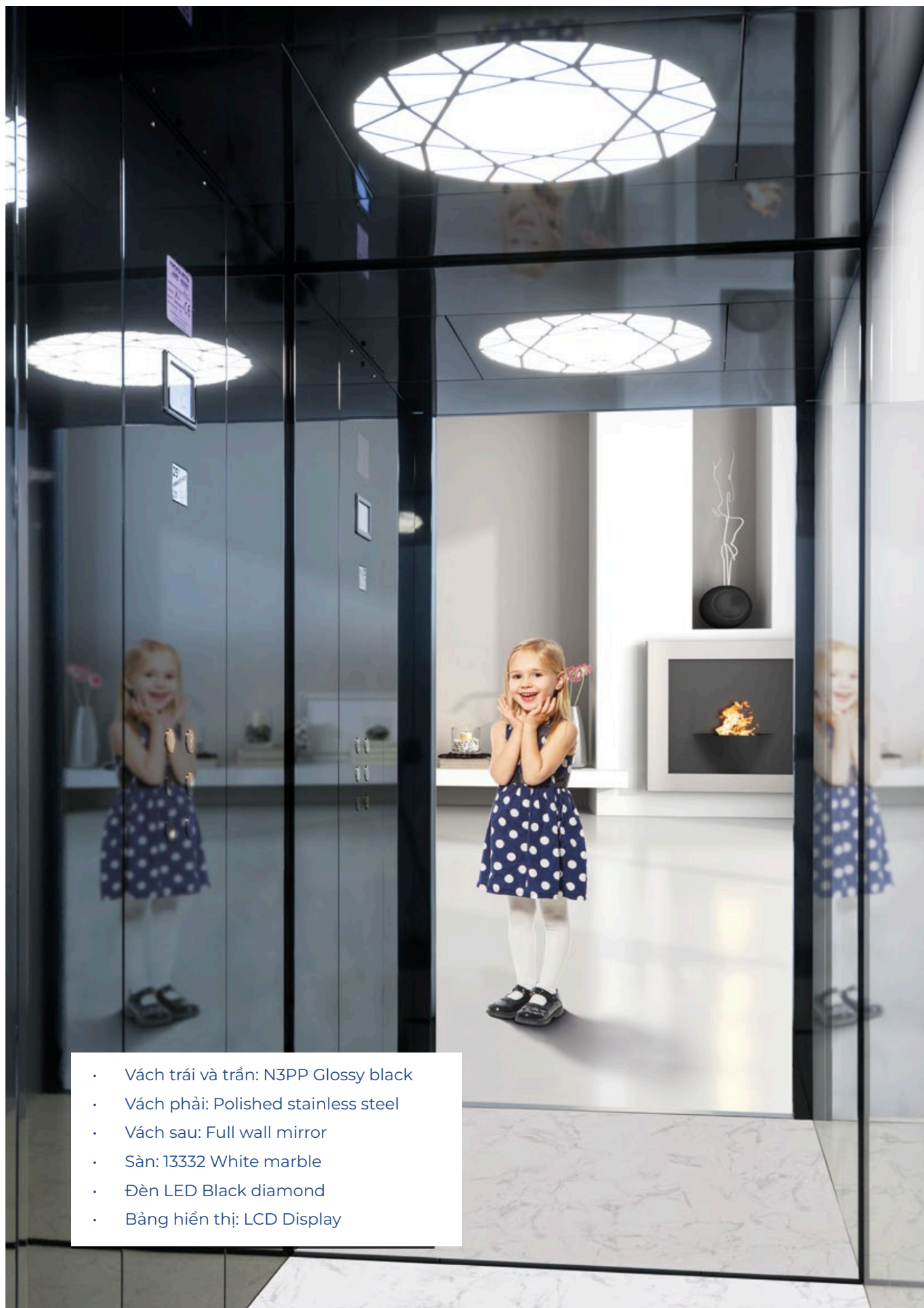
Special Walls (Tuỳ chọn)



- Vách: 388 Douglas Ice microline finish
- Vách đặt COP và trần: Polished stainless steel
- Đèn LED Quadro
- Sàn: 13002 Silver concrete
- Bảng hiển thị: LCD Display



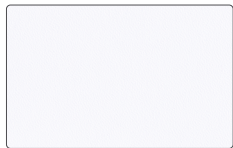
- Vách: 1612 Teak sumatra root finish
- Vách đặt COP và trần: Polished stainless steel
- Đèn LED Zodiaco trần treo
- Sàn: 42292 Charcoal slate
- Bảng hiển thị: LCD Display



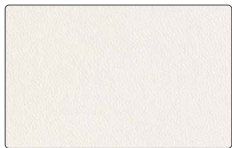
- Vách trái và trần: N3PP Glossy black
- Vách phải: Polished stainless steel
- Vách sau: Full wall mirror
- Sàn: 13332 White marble
- Đèn LED Black diamond
- Bảng hiển thị: LCD Display

Vật liệu

Skinplate Sử dụng cho vách cabin (tiêu chuẩn)



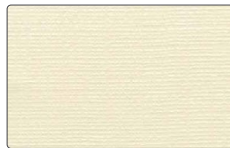
A1
Optical white



A4
Mik white



PPS10
Marble



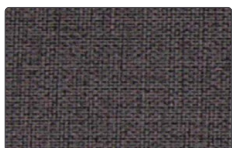
A90GTA
Canvas



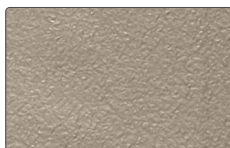
N1
Light grey



DT63
Fabric beige



DT65
Fabric grey



L4SMA
Bronze



F12PPS
St. steel look



N3PP
Gloss black

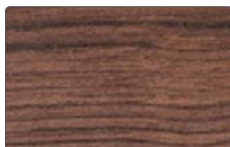
Plastic Laminate Sử dụng cho vách cabin



388 Douglas ice
Microline finish



381 Douglas vanilla
Microline finish



1612 Teak sumatra
Root finish



609 Amazonia sucupira - Holz fin



1459 Statuario
Papier finish



549 Caucasus
Papier finish



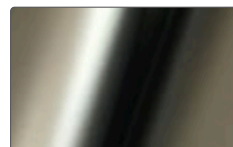
421 Black
Ostuni finish



874 Brushed gold

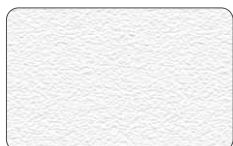


881 Polished gold

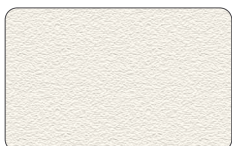


726 Polished gunmetal

Painting Sử dụng cho vách cabin, cửa và khung kim loại



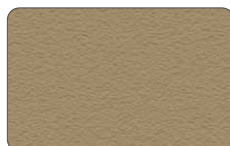
RAL 9003
Signal white



RAL 9010
Pure white



RAL 1013
Pearl white



RAL 1019
Grey beige



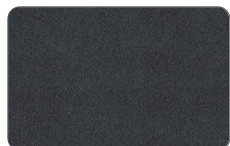
RAL 8017
Chocolate brown



RAL 9006
White aluminium



RAL 9007
Grey aluminium



NW 300M
Micaceous iron



RAL 7016
Anthracite Grey



RAL 9005
Deep black

Optional Painting

Sử dụng cho vách cabin, cửa và khung kim loại

Tất cả màu RAL K7 và các màu đặc biệt (Gold, Bronze, Corten...) có thể đặt riêng.

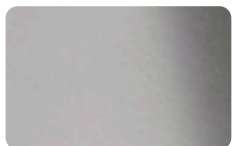
* Các màu RAL 8017 CHOCOLATE BROWN, RAL 9005 JET BLACK, RAL 9016 TRAFFIC WHITE, RAL 7024 GRAPHITE GREY, RAL 7022 UMBRA GREY, RAL 7010 TARPAULIN GREY là màu áp dụng cho khung trong nước.

Stainless Steel

Sử dụng cho vách cabin



Polished
stainless steel



Brushed
stainless steel



Linen
stainless steel



**Champagne
Polished**
stainless steel



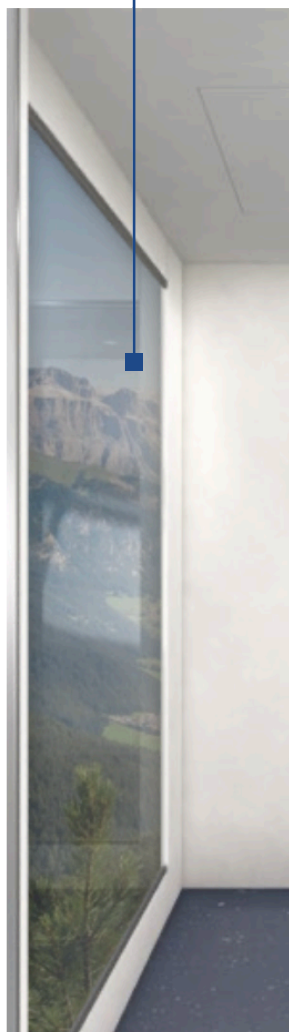
Gold Polished
stainless steel

Vách kính

Full width,
Mid-height window



Full width,
Full height window

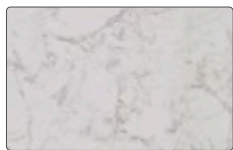


2 Full width,
Full height windows

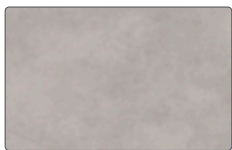


Sàn

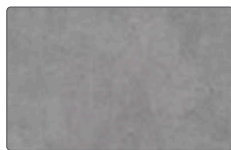
PVC Tiêu chuẩn



13332
White marble



13002
Silver concrete



13022
Beton concrete



13082
Gravel concrete



42292
Charcoal slate

Studded Rubber



G3 Bolli
Black



G1 Bolli
Grey

Bảng điều khiển

COP Tiêu chuẩn

3 loại vật liệu: Skinplate, Thép sơn RAL và Inox.
Kích thước: Full Height x 500 mm

Touch screen COP

Tuỳ chọn

Màn hình cảm ứng mới nâng tầm tiện nghi. Có thể quản lý các tùy chọn (tin nhắn chào mừng, hình nền...) và thông tin về trạng thái thang - thông qua bảng hiển thị.

Standard COP

Tiêu chuẩn

Các nút phẳng được gắn trực tiếp vào COP tạo nên một thiết kế gọn gàng, trang nhã.



Bảng hiển thị



**LCD Display
inside the car**
Tiêu chuẩn



**TFT Display
inside the car**
Tuỳ chọn

Nút bấm

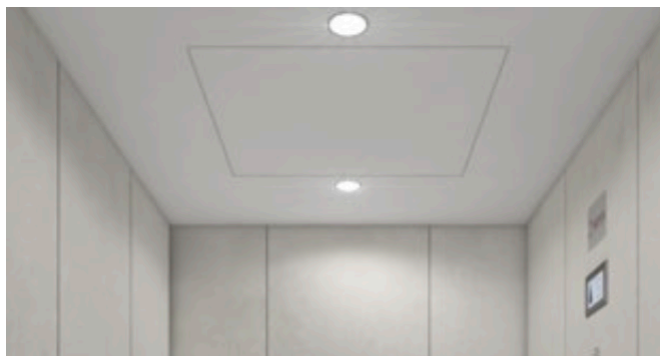


Nút tròn trong cabin và tại tầng với 2 màu:
· Silver stainless steel - Inox bạc (Tiêu chuẩn)
· Black stainless steel - Inox đen (Tùy chọn)

2 màu đèn: Đèn trắng, chuyển sang xanh dương khi nhấn nút.

Đường kính trong 30 mm, đường kính viền 37.2 mm. Tất cả các nút đều có số hoặc ký hiệu nổi (theo Tiêu chuẩn EN 81-70) và chữ nổi Braille (theo DM 236/89).

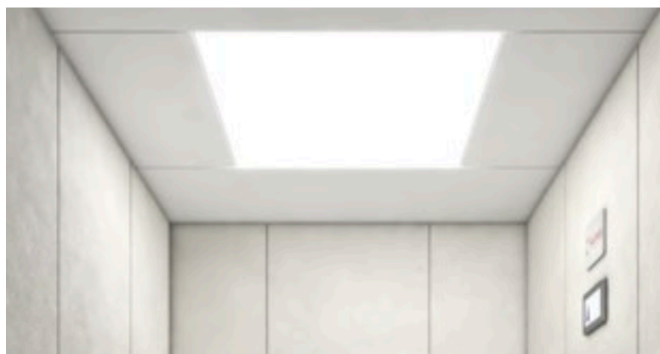
Đèn LED trong cabin



2 Spots
Tiêu chuẩn



4 Spots



Panel



Quadro



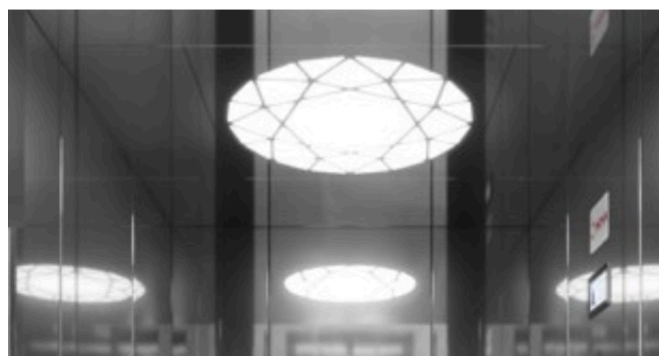
Line



Soft
Trần treo*



Zodiaco
Trần treo*



Black diamond

* Yêu cầu chiều cao cabin = 2100 mm đối với trần treo.

Tay vịn

Stainless steel handrail with curved ends on cop, length 480 mm
Tay vịn inox quay ngược vào COP dài 480 mm

Stainless steel handrail with straight ends
Tay vịn inox dạng thẳng

Stainless steel handrail with curved ends
Tay vịn inox quay ngược

Tiện nghi

Axial cabin fan
Quạt hướng trục đường kính Ø110 mm.
Luồng khí 60 m³/h

Cross - Flow cabin fan
Quạt luồng ngang dài 300 mm.
Luồng khí 360 m³/h

Foldable seat
Ghế gấp với tấm acrylic trắng

Cabin mirror
Gương trong cabin, full chiều rộng và cao



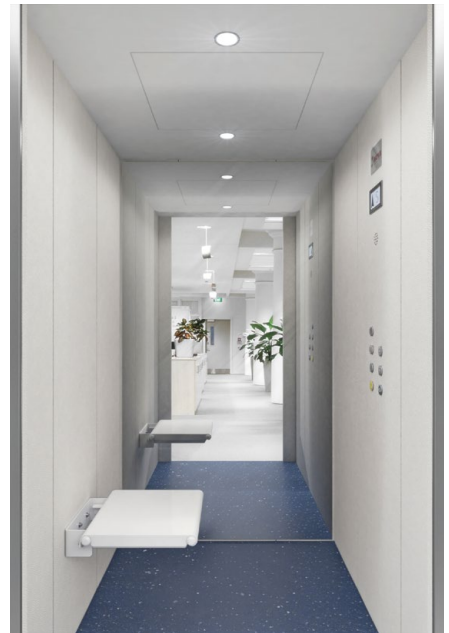
Gương



Basic mirror
840 x 1050 mm



Half wall mirror
Chiều rộng cabin x 1050 mm



Full wall mirror
Chiều rộng x Chiều cao cabin

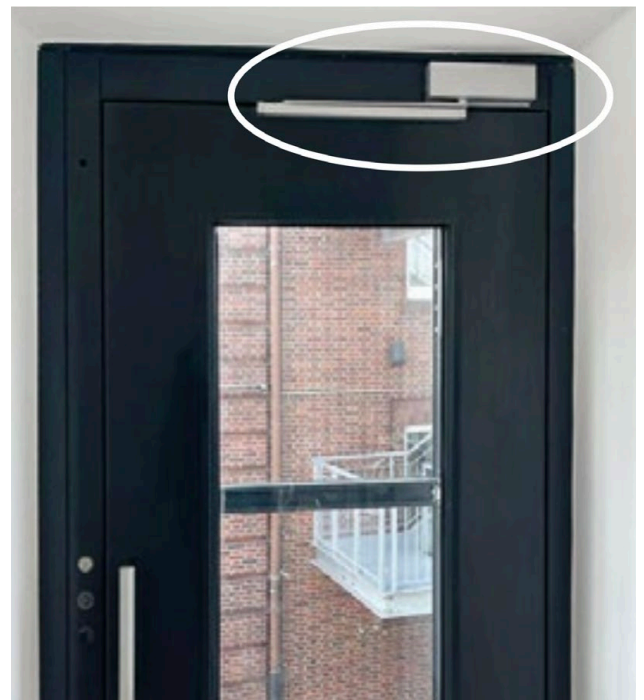
Tủ điều khiển



Hydraulic model

- Small: 600x360x1400 mm
- Medium: 750x410x1400 mm
- Large: 850x510x1500 mm
- Tiêu chuẩn: Tấm kim loại mạ kẽm.
- Tùy chọn: Skinplate Al Optical
- White, Brushed stainless steel

Phụ kiện mở cửa



Automatic opening system for swing doors

Thiết bị giới hạn vào/ra Tùy chọn



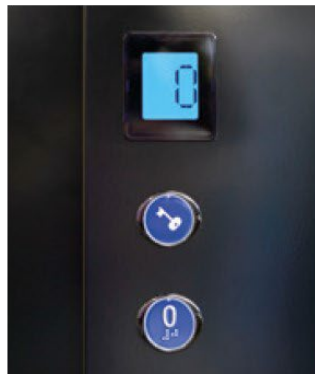
Enabling key at landing

Có chìa khóa ngoài tầng mới có thể gọi thang



Enabling key inside the car

Có chìa khóa trong cabin mới có thể điều khiển thang



Pin code at landing

Có mã PIN ngoài tầng mới có thể gọi thang



Pin code inside the car

Có mã PIN trong cabin mới có thể điều khiển thang



Anti-intrusion safety key for swing doors

Khoá an toàn chống vào thang ở bên ngoài

Manual unlock device for swing doors

Thiết bị mở khoá từ trong cabin đối với cửa bản lề 1 cánh



Guest access

Cho phép kết hợp giữa Enabling Key & PIN Code

Guest operation

Cho phép bên thứ 3 sử dụng thang trong một khoảng thời gian nhất định

Private operation

Cho phép bên thứ 3 sử dụng thang đến một số tầng nhất định

Thông số cơ bản

Tiêu chuẩn	Machine Directive 2006/42/CE
Tải trọng	300 kg / 400 kg (500 kg tùy chỉnh riêng)
Tốc độ	0.15 m/s; 0.3 m/s
Hành trình tối đa	18,000 mm
Số điểm dừng tối đa	8 điểm dừng (tùy chỉnh riêng)
Chiều cao cửa	2,000 mm (chiều cao cửa khác tùy chỉnh riêng)
Cửa thang	1 cửa / 2 cửa đối diện / 2 cửa vuông góc
Chiều cao cabin	2,000 mm (chiều cao khác tùy chỉnh riêng)
Hố PIT	Từ 120 mm
	Từ 2,350 mm
Nguồn điện	230V 1 pha (400V 3 pha)
Động cơ	Thủy lực, công suất từ 1.5 kW

Chức năng

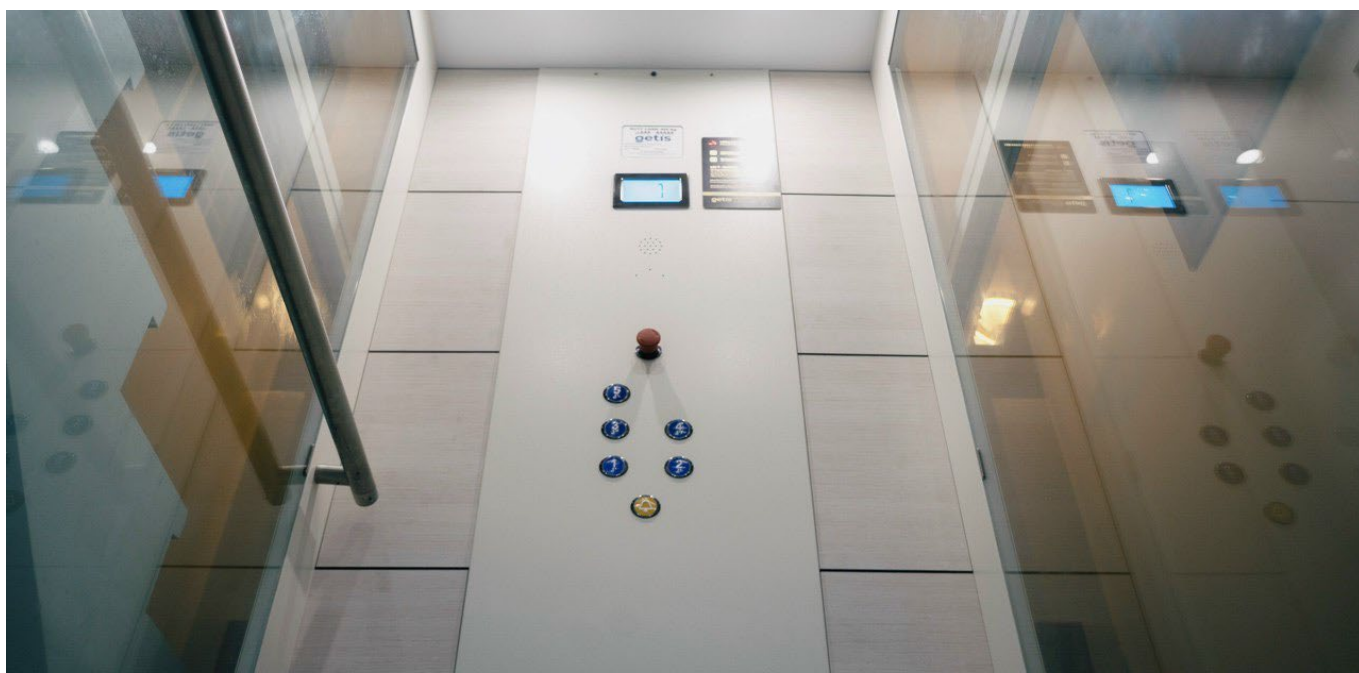
Chức năng tiêu chuẩn

Âm báo quá tải	Tín hiệu âm thanh cảnh báo phát ra trong trường hợp cabin quá tải.
Nút bấm phẳng tích hợp trên COP	Các nút phẳng được lắp tích hợp trên COP, không cần thêm khung hoặc một thanh nào khác trong cabin khiến cấu trúc trở nên công kênh. Thiết kế tích hợp tạo nên sự thẩm mỹ, gọn gàng, thanh nhã.
Tự động cân bằng cabin	Hệ thống an toàn đảm bảo sự cân bằng của cabin và sàn một cách tự động.
Đèn trong Cabin	Cabin được trang bị hệ thống đèn LED đảm bảo ánh sáng cao hơn từ 2 đến 4 lần so với mức tối thiểu mà Luật yêu cầu.
Tiết kiệm năng lượng	Được thiết kế để giảm thiểu công suất điện tiêu thụ của các động cơ được sử dụng, đạt mức A trong Phân loại Tiêu thụ năng lượng (Tham khảo VDI 4707-1).
Chế độ “Standby”	Trang bị hệ thống điều khiển chiếu sáng thông minh để giảm tiêu tốn năng lượng khi không sử dụng.
Vận hành thang khi mất điện	Trang bị ắc quy để cabin tự động quay trở lại tầng thấp nhất trong trường hợp mất điện.
Thiết bị an toàn chống rơi cabin	Cabin được trang bị thiết bị an toàn đã được chứng nhận để dừng cabin trong trường hợp khẩn cấp.
Van an toàn thủy lực trên piston	Van an toàn thủy lực đã được chứng nhận gắn trực tiếp trên piston và có tác dụng chặn cabin trong trường hợp mất áp suất trong mạch điều khiển thủy lực.

Mạch điện an toàn	Tất cả các tiếp điểm điện được kết nối trực tiếp trong một mạch điện riêng và ưu tiên.
Dây cáp có độ bền cao	Các dây cáp được sử dụng trong công trình hoàn toàn bằng thép có tải trọng kéo cao và tuân theo tiêu chuẩn EN12385-5.
Đèn khẩn cấp trong cabin	Trong trường hợp mất điện, cabin vẫn tự động chiếu sáng.
Chuông báo động	Bên trong cabin có nút bấm kích hoạt chuông báo động, vẫn sử dụng bình thường khi mất điện, để gọi cứu hộ trong trường hợp khẩn cấp.

Chức năng tùy chọn

Bảng hiển thị LCD trong cabin / ngoài cửa tầng	Màn hình LCD hiển thị các cảnh báo (Hướng di chuyển, Vị trí, Báo động, Quá tải...) trong cabin và ngoài cửa tầng.
Bộ nguồn thủy lực áp lực cao	Cho phép di chuyển thoải mái hơn khi cabin bắt đầu di chuyển và khi đến tầng yêu cầu.
Thiết bị điều chỉnh nhiệt độ dầu thủy lực	Thiết bị để giữ nhiệt độ dầu và van thủy lực cao hơn mức dự báo tối thiểu, để hoạt động một cách chính xác. Đặc biệt được chỉ định cho các công trình ngoài trời.
Thông gió trong cabin	Sử dụng quạt thông gió để trao đổi khí bên trong cabin được thuận lợi hơn.
Thiết bị tự động báo động qua điện thoại	Nếu lo lắng hệ thống báo động tiêu chuẩn hoạt động không hiệu quả, có thể lắp đặt thêm một thiết bị tự động báo động qua điện thoại, kết nối với dịch vụ cứu hộ (không dây).
Giới hạn truy cập trên LOP	Chỉ có chìa khóa cơ/ điện tử mới có thể gọi thang.
Giới hạn truy cập trên COP	Chỉ có chìa khóa cơ /điện tử mới có thể điều khiển thang từ trong cabin.
Chế độ khách	Sử dụng chìa khóa / thiết bị ở LOP, cho phép khách sử dụng thang tạm thời.



Thông số chi tiết

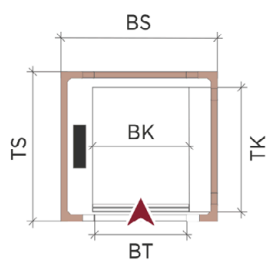
Chức năng tiêu chuẩn

Tay nắm ẩn cho cửa bản lề 1 cánh	Thiết kế tay nắm ẩn được cấp bằng sáng chế. Một tay nắm được tích hợp ngay trên cửa, không bị lộ.
Khóa cơ an toàn trên tất cả các cửa tầng	Tất cả các cửa tầng đều được cung cấp các khóa an toàn đạt tiêu chuẩn chứng nhận để phòng ngừa một số trường hợp: Thang chuyển động khi cửa vẫn còn mở; Cửa tầng mở ra khi cabin không ở tầng đó.
Rèm hồng ngoại	Mành hồng ngoại thang máy với chiều cao full cabin để cửa mở, không cho thang hoạt động khi có chướng ngại vật.
Dừng khẩn cấp trong cabin	Nút nhấn có hình nắm màu đỏ để dừng khẩn cấp trong cabin.

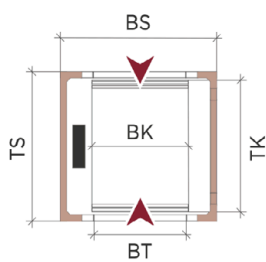
Chức năng tùy chọn

Cửa tự động mở khi dừng tầng	Thiết bị cho phép cửa tự động đóng / mở khi đến điểm dừng.
------------------------------	--

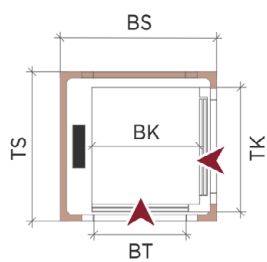
Piston đặt bên



1 Cửa (1)



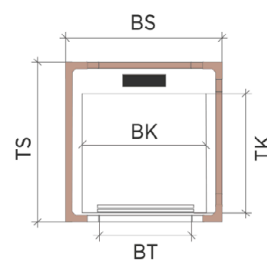
2 Cửa đối diện
(2 X 180°)



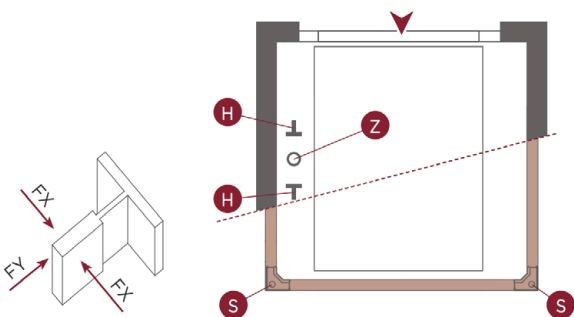
2 Cửa vuông góc
(2 X 90°)

Piton đặt sau

Tùy chỉnh riêng



Lực tác động lên hố PIT



Q (daN)	H (daN)	Z (daN)	FX (daN)	FY (daN)	S (daN)
300	2100	1700	300	100	1000
400	2200	2000	380	120	1000
500	2300	2300	450	150	1000

Dữ liệu trong biểu đồ nhằm mục đích hướng dẫn và để cập đến điều kiện đặc biệt khi kích hoạt các thiết bị an toàn. Trọng lượng "S" phải được xem xét cho từng trụ trong số 4 trụ của khung kim loại.

Kích thước tủ điều khiển



	L (mm)	H (mm)	P (mm)
Large	850	1500	510
Medium	750	1400	410
Small	600	1400	360

Tủ chứa máy móc hoặc bộ phận của thang phải được lắp đặt ở trong nhà (không đặt ngoài trời) để đội ngũ kỹ thuật có thể dễ dàng tiếp cận, kiểm tra; tránh nước, bụi và ẩm.

Thông số chi tiết

Khung kim loại

Mã	Vị trí đặt piston	Tải trọng			Cabin				Giếng thang	
		Người	Đáp ứng	Tải trọng Q	Rộng BK	Sâu TK	Chiều rộng cửa BT	Số cửa mở	Rộng TS	Sâu BS
S.S.AS.080.080.075.M	Bên	3	/	300 kg	800	800	750	1	1250	1050
S.S.AO.080.080.075.M								2 x 180°		1040
S.S.AS.080.120.080.M	Bên	4		300 Kg	800	1200	800	1	1270	1450
S.S.AO.080.120.080.M								2 x 180°		1440
S.S.AS.090.130.080.M	Bên	4		300 Kg	900	1300	800	1	1330	1550
S.S.AO.090.130.080.M								2 x 180°		1540
S.S.AS.100.120.080.M	Bên	4		300 Kg	1000	1200	800	1	1420	1450
S.S.AO.100.120.080.M								2 x 180°		1440
S.S.AA.120.120.080.M	Bên	5		400 Kg	1200	1200	800	2 x 90°	1630	1450
S.S.AS.100.130.090.M	Bên	5		400 Kg	1000	1300	900	1	1420	1550
S.S.AO.100.130.090.M								2 x 180°		1540
S.S.AS.110.140.090.M	Bên	5		400 Kg	1100	1400	900	1	1520	1650
S.S.AO.110.140.090.M								2 x 180°		1640
S.S.AA.110.140.090.M								2 x 90°	1530	1650

Chiều sâu PIT **GT** tối thiểu: 120 mm
Chiều cao tầng trên cùng OH **KH** tối thiểu: 2,350 mm

Hố bê tông

Mã	Vị trí đặt piston	Tải trọng			Cabin				Giếng thang	
		Người	Đáp ứng	Tải trọng Q	Rộng BK	Sâu TK	Chiều rộng cửa BT	Số cửa mở	Rộng TS	Sâu BS
S.M.AS.080.080.075.M	Bên	3	/	300 kg	800	800	750	1	1150	950
S.M.AO.080.080.075.M								2 x 180°		940
S.M.AS.080.120.080.M	Bên	4		300 Kg	800	1200	800	1	1150	1350
S.M.AO.080.120.080.M								2 x 180°		1340
S.M.AS.090.130.080.M	Bên	4		300 Kg	900	1300	800	1	1250	1450
S.M.AO.090.130.080.M								2 x 180°		1440
S.M.AS.100.120.080.M	Bên	4		300 Kg	1000	1200	800	1	1350	1350
S.M.AO.100.120.080.M								2 x 180°		1340
S.M.AA.120.120.080.M	Bên	5		400 Kg	1200	1200	800	2 x 90°	1530	1350
S.M.AS.100.130.090.M	Bên	5		400 Kg	1000	1300	900	1	1350	1450
S.M.AO.100.130.090.M								2 x 180°		1440
S.M.AS.110.140.090.M	Bên	5		400 Kg	1100	1400	900	1	1450	1550
S.M.AO.110.140.090.M								2 x 180°		1540
S.M.AA.110.140.090.M								2 x 90°	1430	1550

Chiều sâu PIT **GT** tối thiểu: 120 mm
Chiều cao tầng trên cùng OH **KH** tối thiểu: 2,350 mm



Thang máy gia đình Getis

“Không chỉ là thang máy - mà là một phần của không gian sống”

Tại Getis, chúng tôi không xem thang máy đơn thuần là phương tiện di chuyển, mà là một phần trong tổng thể không gian sống - nơi mỗi trải nghiệm cần được đảm bảo bằng sự an tâm.

Từ đó, Getis theo đuổi một triết lý xuyên suốt:
Đa dạng giải pháp - để mỗi công trình đều có lựa chọn phù hợp
An tâm trong suốt quá trình sử dụng

Và chúng tôi định vị mình là:

Người đồng hành tin cậy

Đồng hành cùng khách hàng trong toàn bộ vòng đời sản phẩm - từ tư vấn, triển khai đến vận hành, bảo trì.

1000+

Dự án đã hoàn thành
trên toàn quốc

100+

Dự án mới mỗi năm

90%

Tỷ lệ hài lòng của
khách hàng khi bàn giao

ISO 9001:2015

Đạt CN ISO số 25.0179-QMS/IOSIN, cấp ngày
03/01/2025



The Classia Khang Điền,
TP. Hồ Chí Minh



KDC Phú Mỹ Vạn Hưng,
TP. Hồ Chí Minh



Lakeview City,
TP. Hồ Chí Minh



The Classia Khang Điền,
TP. Hồ Chí Minh



Ecopark Văn Giang,
Hưng Yên



KĐT Dương Nội, Hà Đông,
Hà Nội

Sự an tâm được xây dựng từ 3 trụ cột cốt lõi:

Sản phẩm tin cậy
Nhập khẩu đồng bộ, vận hành ổn định, tiêu chuẩn quốc tế

Con người tin cậy
Đội ngũ hướng dẫn chi tiết, đồng hành sát sao, trách nhiệm đến cùng

Người đồng hành tin cậy
Luôn hiện diện để hỗ trợ khách hàng trong mọi giai đoạn sử dụng



Quận 10,
TP. Hồ Chí Minh



Q.7,
TP. Hồ Chí Minh



Hồng Hà, Hà Nội



Kiến Thụy, Hải Phòng



Villa Sala,
TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY TNHH THANG MÁY GETIS VIỆT NAM

Showroom Cổ Loa: Ngôi sao 03,
Vinhomes Global Gate, Cổ Loa, Đông Anh

Văn phòng Hà Nội: 12 TT4 Khu đô thị
VOV, Phường Đại Mỗ, Hà Nội

Hotline: 0972.597.579

Showroom Hồ Chí Minh: 85 Bùi Tá Hán,
P. Bình Trưng

Hotline: 0879.745.777

Website: www.getis.vn | **Tổng đài CSKH:** 0985.645.966

